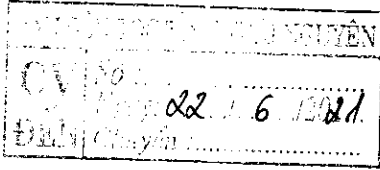


ỦY BAN DÂN TỘC
Số: 433/QĐ-UBDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

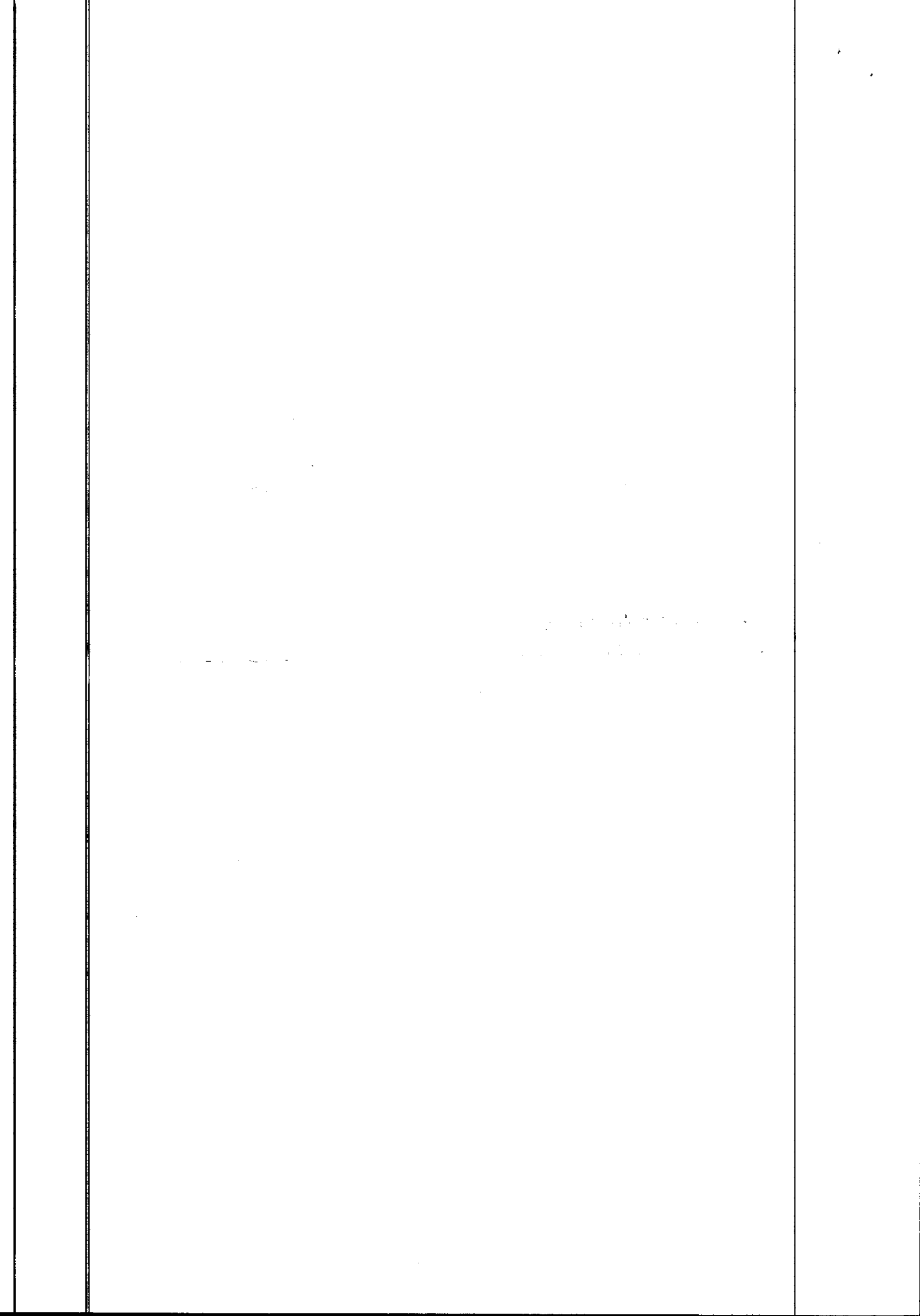
Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 2.027 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.



Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: ~~17~~

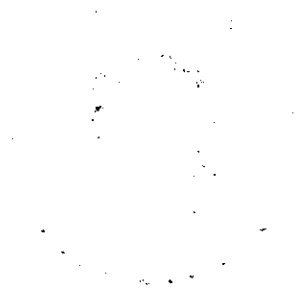
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBĐT;
- Lưu: VT, CSĐT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hầu A Lành





TỔNG HỢP THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG ĐÁN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kế hoạch Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
	Tổng cộng	2.027	
1	Vĩnh Phúc	0	
2	TP. Hà Nội	0	
3	Quảng Ninh	12	
4	Ninh Bình	0	
5	Hà Giang	81	
6	Cao Bằng	47	
7	Bắc Kạn	65	
8	Tuyên Quang	120	
9	Lào Cai	130	
10	Yên Bái	54	
11	Thái Nguyên	50	
12	Lạng Sơn	94	
13	Bắc Giang	66	
14	Phú Thọ	70	
15	Điện Biên	57	
16	Lai Châu	101	
17	Sơn La	104	
18	Hòa Bình	86	
19	Thanh Hóa	186	
20	Nghệ An	38	
21	Hà Tĩnh	2	
22	Quảng Bình	7	
23	Quảng Trị	16	
24	Thừa Thiên Huế	5	
25	TP Đà Nẵng	0	
26	Quảng Nam	19	
27	Quảng Ngãi	6	
28	Bình Định	7	
29	Phú Yên	10	

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
30	Khánh Hòa	10	
31	Ninh Thuận	10	
32	Bình Thuận	10	
33	Kon Tum	41	
34	Gia Lai	203	
35	Đắk Lắk	84	
36	Đắk Nông	40	
37	Lâm Đồng	49	
38	Bình Dương	0	
39	Bình Phước	25	
40	Tây Ninh	0	
41	Đồng Nai	0	
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	
43	Trà Vinh	10	
44	Vĩnh Long	4	
45	An Giang	10	
46	Kiên Giang	10	
47	Cần Thơ	0	
48	Hậu Giang	0	
49	Sóc Trăng	45	
50	Bạc Liêu	0	
51	Cà Mau	43	
52	Hải Dương	0	
53	TP. Hải Phòng	0	

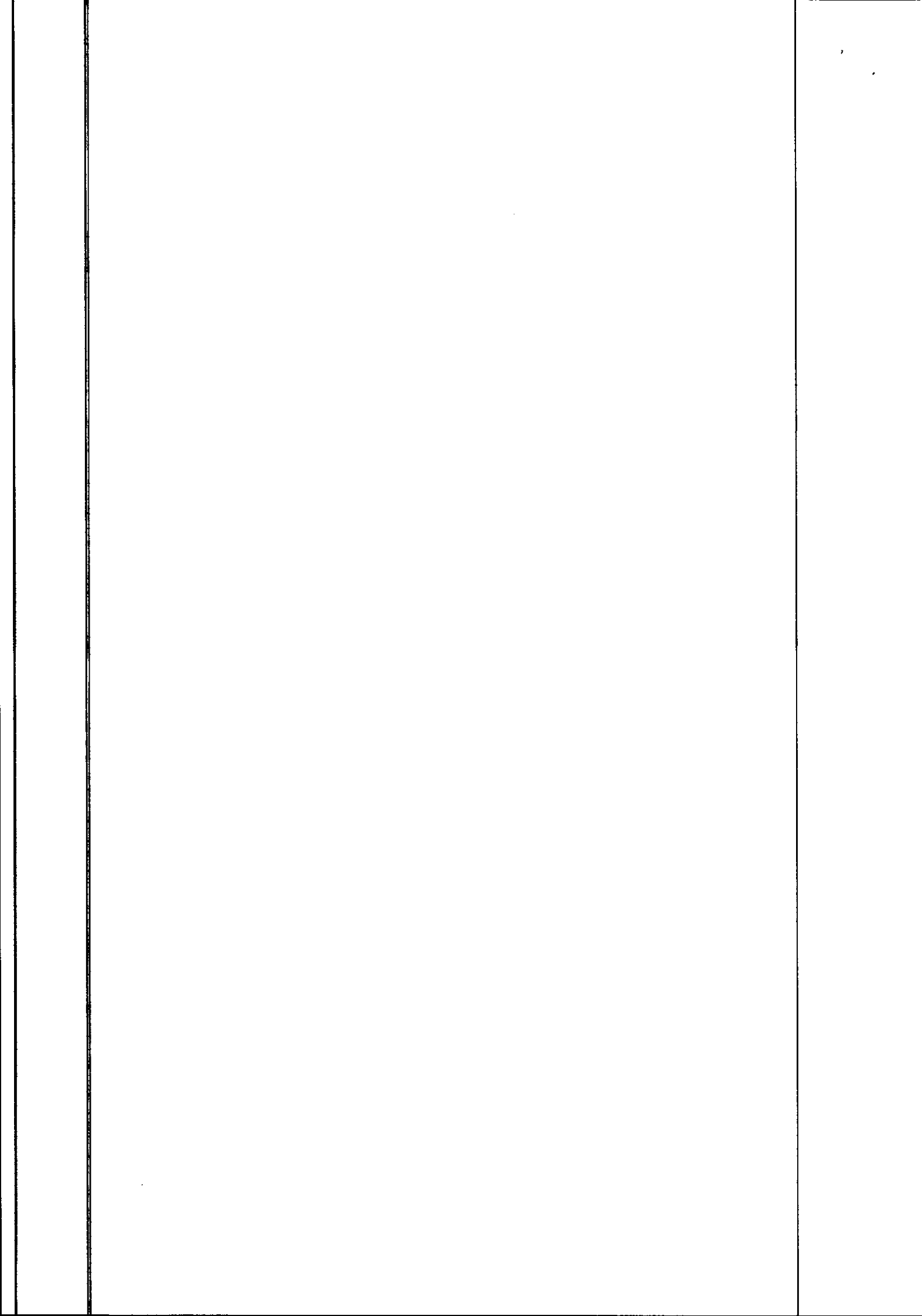


ĐIỂM SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VŨ QUÂN DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kỳ thi tuyển chọn địa phương số 433 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 50 thôn	
I	Huyện Võ Nhai	
1	Dân Tiến	
	Lân Vai	
2	Xã La Hiên	
	Khuôn Ngục	
3	Phú Thượng	
	Cao Biền	
4	Xã Tràng Xá	
	Thắng Lợi	
	Hợp Nhất	
	Chòi Hồng	
	Đồng Bái	
	Là Bơ	
5	Bình Long	
	Đèo Ngà	
	Long Thành	
	Quảng Phúc	
	Chùa	
	Đồng Bứa	
	Nà Sọc	
	Chíp	
	Đồng Bản	
II	Huyện Định Hóa	
1	Xã Bình Thành	
	Làng Nập	
	Đồng Đình	
	Quyết Tiến	
	Vũ Hồng	
2	Xã Bình Yên	
	Khang Thượng	



	Khang Trung	
3	Xã Diêm Mặc	
	Bản Bắc 1	
4	Xã Lam Vỹ	
	Nà Làng	
5	Xã Phú Tiến	
	Đồng Tiến	
	Hợp Tiến	
6	Xã Tân Dương	
	Xóm Tràng	
	Xóm Cóc	
	Hợp Thành	
7	Xã Tân Thịnh	
	Xóm Thịnh Mỹ	
	Xóm Làng Ngõa	
	Xóm Đồng Muồng	
8	Xã Trung Lương	
	Cầu Đá	
9	Xã Định Biên	
	Xóm Nà To	
	Xóm Góc Thông	
10	Xã Phú Đình	
	Khuôn Tát	
	Nạ Tâm	
III	Huyện Đồng Hỷ	
1	Xã Quang Sơn	
	Xóm Lân Đăm	
2	Xã Cây Thị	
	Xóm Khe Cạn	
	Xóm Suối Găng	
IV	Huyện Phú Lương	
1	Xã Phú Đô	
	Na sàng	
	Phú Bắc	
	Phú Nam 8	
2	Xã Động Đạt	
	Đông Tâm	



V	Huyện Phú Bình	
1	Xã Tân Thành	
	Xóm Đồng bầu Trong	
	Xóm Đồng bầu Ngoài	
2	Xã Tân Khánh	
	Xóm Cầu Cong	
3	Xã Bàn Đạt	
	xóm Đồng Quan	
	xóm Đá Bạc	
	xóm Cầu Mành	

